

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THÀNH LẬP HỢP TÁC XÃ

STT	Mã thủ tục	Tên TTHC	Mã QR code
1	2.002650.H41	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
2	2.002649.H41	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
3	2.002648.H41	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
4	2.002644.H41	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	
5	2.002642.H41	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	
6	2.002640.H41	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	
7	2.002639.H41	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	
8	2.002638.H41	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	

9	2.002646.H41	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	
10	2.002645.H41	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
11	2.002641.H41	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	
12	2.002637.H41	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	
13	2.002643.H41	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
14	2.002636.H41	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	
15	2.002635.H41	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	
16	1.005377.000.00.00.H41	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	

17	1.005280.000.00.00.H41	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	
18	1.004901.000.00.00.H41	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
19	1.005010.000.00.00.H41	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
20	2.001958.000.00.00.H41	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
21	1.004979.000.00.00.H41	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	
22	1.004982.000.00.00.H41	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
23	2.001973.000.00.00.H41	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
24	1.005378.000.00.00.H41	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	

25	1.005277.000.00.00.H41	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	
26	2.002123.000.00.00.H41	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	